

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 232/2024/DS-ST

Ngày: 28-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền;
tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lâm Văn Be.
- Ông Huỳnh Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền; Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228A/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản uỷ quyền ngày 08-3-2024), vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

Bị đơn: Ông Thái Ngọc H, sinh năm: 1959 và bà Trần Thị B, sinh năm: 1959; Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày***

Ngày 09-8-2023, vợ chồng ông Thái Ngọc H, bà Trần Thị B thế chấp thửa đất số 152, tờ bản đồ số 12A và thửa đất số 802, tờ bản đồ số 12A tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh cho ông T để vay số tiền 300.000.000 đồng. Thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 09-8-2023 đến ngày 09-11-2023), lãi suất thỏa thuận 3%/ tháng. Nếu hết thời hạn 03 tháng mà ông H, bà Ba K trả số hết tiền gốc và lãi thì ông T được quyền sử dụng hoặc chuyển nhượng 02 thửa đất này cho người khác để thu hồi nợ. Ngày 09-8-2023, hai bên đã thực hiện công chứng “Hợp đồng ủy quyền” tại Văn phòng C, ông T đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho ông H, bà B và lập giấy viết tay giao nhận tiền.

Tháng 01-2024, do quá thời hạn vay nhưng ông H, bà Ba K trả nợ, ông T tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng 02 thửa đất này cho người khác để thu hồi nợ thì được biết 02 thửa đất này đã bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cưỡng chế, kê biên để thực hiện nghĩa vụ thi hành án của ông H, bà B. Ông T liên hệ với ông H, bà B yêu cầu hủy 02 hợp đồng ủy quyền và trả lại cho ông T số tiền 300.000.000 đồng đã nhận nhưng ông H, bà B hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy 02 “Hợp đồng ủy quyền” số công chứng 5070 và 5071, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông T và ông H, bà B tại Văn phòng C ngày 09-8-2023 vì hợp đồng này nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản; Buộc vợ chồng ông H, bà B có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông T số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật 10%/ năm kể từ ngày ông T khởi kiện cho đến khi xét xử vụ án. Sau khi ông H, bà B trả đủ tiền thì ông T sẽ trả lại 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà B.

**** Bị đơn ông T, bà B:*** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số 5070 quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09-8-2023 và Hợp đồng ủy quyền số 5071 quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09-8-2023 giữa ông Thái Ngọc H, bà Trần Thị B và ông Đặng Văn T lập tại Văn phòng C vô hiệu. Buộc ông H, bà B có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật 10%/năm kể từ ngày ông T khởi kiện cho đến khi xét xử vụ án. Ông T có nghĩa vụ hoàn trả 02 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà B. Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, **nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt**, bị đơn ông H, bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, **khoản 1, 3** Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông T cung cấp chứng cứ gồm bản gốc 02 Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5070 và 5071, quyền số 09/2023 TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông T và ông H, bà B lập ngày 09-8-2023 tại Văn phòng C. Ông xác định mục đích lập 02 Hợp đồng ủy quyền nêu trên nhằm bảo đảm cho việc ông cho ông H, bà B vay số tiền 300.000.000 đồng, ngoài ra ông cung cấp đoạn video quay lại cuộc nói chuyện giữa ông và ông H, bà B vào ngày 30-6-2024. Theo đó, ông H có thừa nhận việc vay ông T số tiền 300.000.000 đồng. Ông H, bà B đã được nhận các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng không có ý kiến phản đối. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền giữa hai bên là có thật.

[2.2] Nguyên đơn thừa nhận việc lập hợp đồng ủy quyền nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản nên có căn cứ xác định hợp đồng ủy quyền là giả tạo. Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp

đồng ủy quyền giữa hai bên vô hiệu.

[2.3] Nguyên đơn xác định ông H, bà B chưa thanh toán được nợ gốc, phù hợp chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Bị đơn đã nhận được các văn bản tố tụng, tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng không trình bày ý kiến hay thể hiện sự phản đối. Do đó, có cơ sở buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

[2.4] Về yêu cầu tính lãi: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện 08-3-2024 là phù hợp Điều 469 Bộ luật Dân sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2019/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cụ thể, tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả là: 300.000.000 đồng x 10%/năm x 06 tháng 20 ngày = 16.644.000 đồng.

[2.5] Hợp đồng ủy quyền giữa hai bên vô hiệu nên ông T có nghĩa vụ hoàn trả bản gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà B.

[2.6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông H, bà Ba P chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả và án phí không có giá ngạch đối với tranh chấp hợp đồng ủy quyền theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

- Ông H, bà B là người cao tuổi nhưng ông, bà không có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét, ông bà phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T đối với ông Thái Ngọc H, bà Trần Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền; Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số 5070 quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09-8-2023 và Hợp đồng ủy quyền số 5071 quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09-8-2023 giữa ông Thái Ngọc H, bà Trần Thị B và ông Đặng Văn T lập tại Văn phòng C vô hiệu.

Buộc ông Thái Ngọc H, bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn T số tiền 316.644.000 (ba trăm mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng trong đó, nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi là 16.644.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Đặng Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Thái Ngọc H, bà Trần Thị B bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02096QSDĐ/89/QĐ-UB(H) do UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23-9-1999 cho bà Trần Thị B đứng tên sử dụng và bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00782/2522/2006/HĐ-CN do UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21-8-2006 cho ông Thái Ngọc H và bà Trần Thị B đứng tên sử dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thái Ngọc H, bà Trần Thị B chịu 16.432.200 (mười sáu triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn hai trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đặng Văn T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008991 ngày 19-3-2024 và 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008992 ngày 19-3-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Phượng